

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, nợ chung giữa bà T và ông
H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Khu Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lữ Thanh H, sinh năm 1979; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành (có mặt);

Địa chỉ: số 220, tỉnh lộ 827A, khu phố 1, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Công H do mai mối, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An chung sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp nhau, ông H thường xuyên uống rượu, không lo phát triển kinh tế gia đình, không còn chung sống với nhau từ năm 2012. Bà Hồ Thị Ngọc T cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Công H. Bà T xác định: Nghề nghiệp của bà là làm thuê, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về con chung: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Công H có hai người con chung có tên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003, hiện do bà đang nuôi dưỡng và Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011, hiện do ông H đang nuôi dưỡng. Bà T xác định người con chung Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003 đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà yêu cầu ông H tiếp tục nuôi dưỡng người con chung có tên Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông H nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Châu Thành với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Khi khởi kiện, bà T yêu cầu ông H trả $\frac{1}{2}$ số nợ, bà trả $\frac{1}{2}$ số nợ nhưng tại phiên tòa bà T xác định bà trả toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng. Bà không yêu cầu ông H hoàn trả lại số tiền bà trả cho Ngân hàng, giữa bà và ông H sẽ thỏa thuận sau.

Tại phiên hòa giải đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2019, bà Hồ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công H vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc là: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả vào ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo hợp đồng tín dụng của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với lãi trong hạn là 0,9%/tháng, lãi quá hạn là 1,17 %/tháng.

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2018, bà Hồ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công H vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng của chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo với lãi trong hạn là 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay.

Tính đến ngày 07 tháng 5 năm 2021 thì bà T, ông H còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 20.108.493đ (hai mươi triệu một trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín

mười ba đồng) và hợp đồng tín dụng của chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo với số tiền là 30.149.178đ (ba mươi triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), trong quá trình vay bà T, ông H đã trả là 4.467.015đ (bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm mười lăm đồng), còn nợ là 45.790.656đ (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lữ Thanh H trình bày:

Hai hợp đồng ngày 08 tháng 3 năm 2018 và ngày 22 tháng 3 năm 2019, Ngân hàng cho bà T, ông Hòa, hiện nay bà T và ông H chưa trả nợ gốc và tính lãi đến ngày 22 tháng 6 năm 2021 thì còn tiền lãi là 81.987đ (tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng). Đồng thời, đại diện Ngân hàng xác định bà T đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền là 4.753.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng), chưa đối trừ với tiền vay của hai hợp đồng nêu trên.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành xác định bà T, ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền trên hai hợp đồng tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 81.987đ (tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 cho đến khi bà T, ông H trả hết số nợ theo mức lãi đã xác định trong các hợp đồng. Đại diện Ngân hàng xác định: Ngân hàng đồng ý theo yêu cầu của bà T, Ngân hàng cho bà T trả toàn bộ tiền vay cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2021, người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N xác định: Khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Công H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ xét thấy:

Thẩm phán đã chấp hành đúng về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng tố tụng. Tuy nhiên, việc Tòa án cho bà T nộp tiền tạm ứng án phí để giải quyết về yêu cầu nợ chung là chưa đúng của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Công H.

Về con chung: Đối với người con chung có tên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003, đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết. Giao cho ông Nguyễn Công H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh huyện Châu Thành và sự tự nguyện của bà Hồ Thị Ngọc T, buộc bà T trả số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Công H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc T và nơi cư trú của ông Nguyễn Công H, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Công H đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Nguyễn Công H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Công H.

[3] Bà Hồ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Hồ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công H nhưng ông H vắng mặt. Việc ông H vắng mặt thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm với ông H, bà T giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông H. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà T và ông H có hai người con chung có tên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003 và Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011 cho ông H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp vì người con chung đang sống cùng với ông H nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Mặt khác, phù hợp với nguyện vọng của người con chung. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên giao cho ông H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011. Ông H vắng mặt, không có ý kiến gì về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người con chung có tên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003, đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N; Vì lợi ích của các người con chung, bà T, ông H có quyền yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con; bà T, ông H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Khi hòa giải, đại diện Ngân hàng xác định: Bà Hồ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công H còn nợ tiền vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 45.790.656đ (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng). Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định: Bà T và ông H chưa trả nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi, tính lãi đến ngày 22 tháng 6 năm 2021 là 81.987đ (tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) là có căn cứ phù hợp với lời trình bày của bà T.

Xét thấy việc bà Hồ Thị Ngọc T trả toàn bộ số tiền cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành là sự tự nguyện của bà T và đại diện Ngân hàng cũng chấp nhận nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc buộc bà T trả tiền vay của Ngân hàng. Do đó, buộc bà Hồ Thị Ngọc T trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện Châu Thành tổng số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 81.987đ (tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo mức lãi đã xác định trong các hợp đồng cho đến khi bà T trả xong nợ. Đối với số tiền bà Hồ Thị Ngọc T đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền là 4.753.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng), giữa các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Công H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.504.099đ (hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

[8] Trong quá trình thụ lý vụ án, do bà Hồ Thị Ngọc T có yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Tòa án cho bà Hồ Thị Tuyết nộp tiền tạm ứng án phí dân sự với số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là chưa đúng. Đáng lẽ ra phải hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng nhưng do bà T có nghĩa vụ trả nợ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.504.099đ (hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm chín mươi chín đồng) nên đối trừ án phí sơ thẩm, bà T có nghĩa vụ nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm với số tiền là 1.254.099đ (một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 37, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 6 điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Công H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

Về con chung: Ông Nguyễn Công H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011, hiện ông H đang nuôi dưỡng.

Bà Hồ Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Nguyễn Hồ Trung N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011, ông H cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Hồ Thị Ngọc T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Công H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Hồ Thị Ngọc T.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về nợ chung: Buộc bà Hồ Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện Châu Thành tổng số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 81.987đ (tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo mức lãi đã xác định trong các hợp đồng cho đến khi bà T trả xong nợ.

Về án phí:

- Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000805 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.504.099đ (hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm chín mươi chín đồng), bà T đã nộp tiền

tạm ứng án phí với số tiền là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000804 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm, bà T có nghĩa vụ nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.254.099đ (một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Công H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền